

CHƯƠNG 7

PHÂN TÍCH CÁC CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT



NỘI DUNG

2

1

Phân tích
dưới góc độ
nhà đầu tư
trên thị
trường
chứng khoán

2

Phân tích
dấu hiệu
khủng hoảng
tài chính &
phá sản
doanh nghiệp



GIÁ TRỊ SỔ SÁCH CỦA MỘT CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

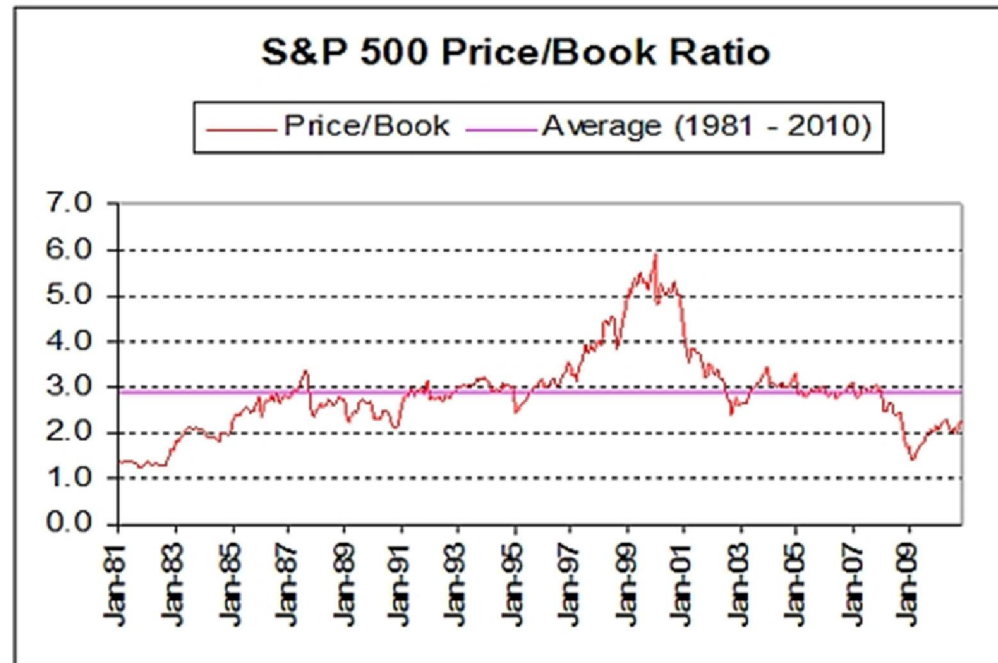
$$\text{Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu phổ thông} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu qui cho cổ phần phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành}}$$

Chỉ tiêu này thể hiện trong trường hợp công ty ngừng hoạt động, mỗi cổ phiếu phổ thông sẽ được nhận bao nhiêu giá trị.

$$\text{Hệ số Giá trị trường/Giá trị sổ sách (M/B)} = \frac{\text{Giá trị trường của 1 cổ phiếu phổ thông}}{\text{Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu phổ thông}}$$

Hệ số M/B – Ví dụ

4



Lợi nhuận trên cổ phiếu (Earnings per Share - EPS)

$$\text{Lợi nhuận trên cổ phiếu} = \frac{\text{LN sau thuế} - \text{Cổ tức ưu đãi}}{\text{SL cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân}}$$

Chỉ tiêu này thể hiện mỗi cổ phiếu phổ thông đã tạo ra được bao nhiêu lợi nhuận.

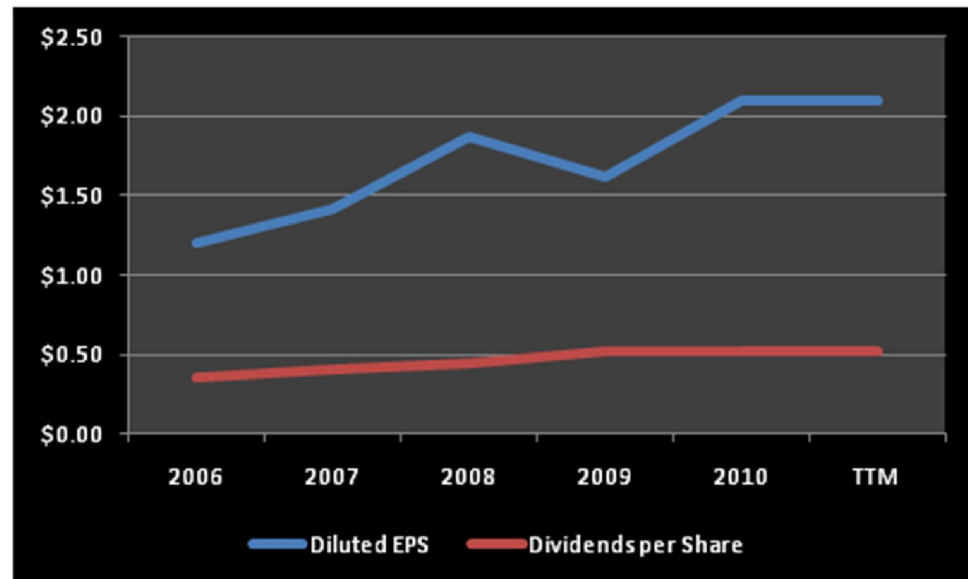


Tỷ lệ chi trả cổ tức

$$\text{Tỷ lệ chi trả cổ tức} = \frac{\text{Cổ tức cho 1 cổ phiếu phổ thông}}{\text{EPS}}$$

Microsoft®

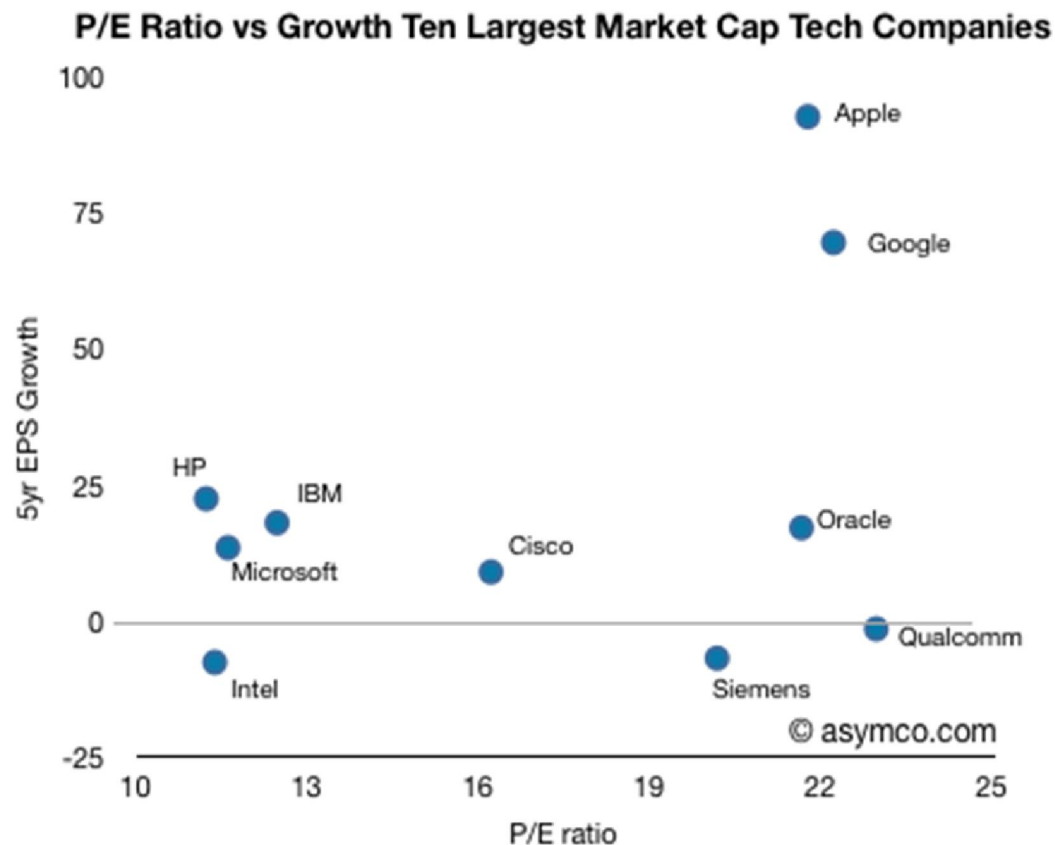
Chỉ tiêu này thể hiện phần lợi nhuận tạo ra được sử dụng để chi trả cổ tức trong kỳ.



Hệ số giá trên thu nhập P/E (Price-Earnings Ratio)

$$\text{Hệ số P/E} = \frac{\text{Giá thị trường 1 cổ phiếu}}{\text{EPS}}$$

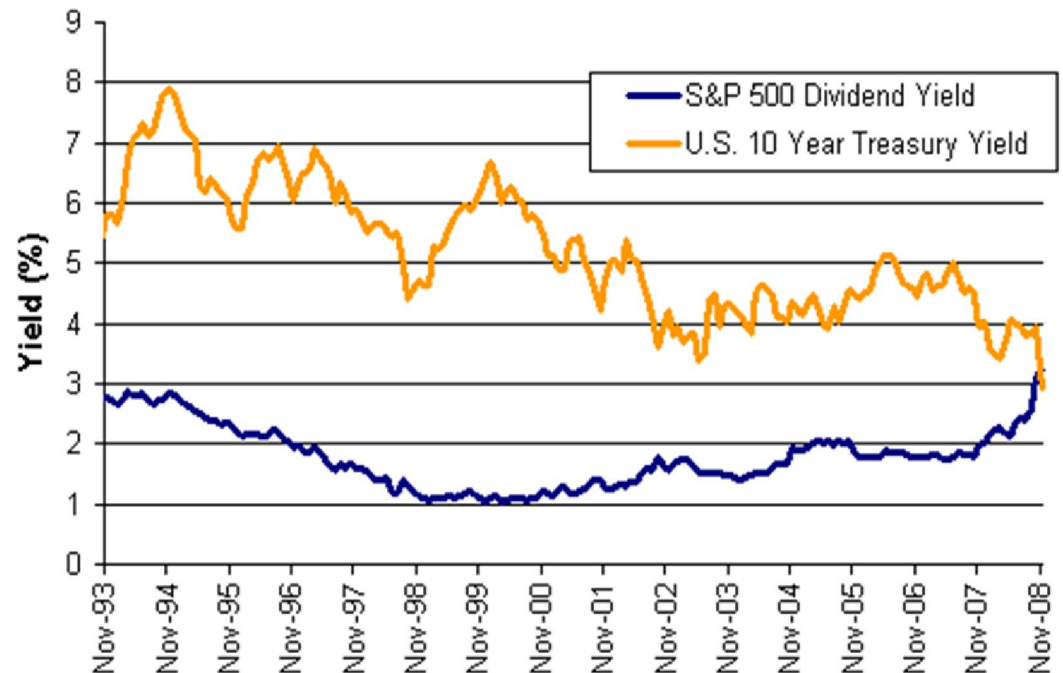
Chỉ tiêu này thường được các nhà đầu tư sử dụng để dự báo giá trị của cổ phiếu. Nói chung, Hệ số P/E càng cao, cơ hội công ty phát triển càng lớn.



Tỷ suất cổ tức (Dividend Yield)

$$\text{Tỷ suất cổ tức} = \frac{\text{Cổ tức 1 cổ phiếu}}{\text{Giá thị trường 1 cổ phiếu}}$$

Chỉ tiêu này thể hiện mức hoàn vốn trên giá thị trường của cổ phiếu, thể hiện ở cổ tức bằng tiền mặt.



*Monthly valuation basis

Source: Bloomberg

Copyright © 2008 ICMA-RC

Posted: 12/12/2008

Lưu chuyển tiền thuần trên cổ phiếu (operating cash flow per share)

$$\text{Lưu chuyển tiền thuần trên cổ phiếu} = \frac{\text{LC tiền thuần từ HĐKD} - \text{cổ tức ưu đãi}}{\text{Số lượng CF phổ thông lưu hành bình quân}}$$

Chỉ tiêu này thường được các nhà đầu tư sử dụng để đánh giá khả năng chi trả cổ tức và ra các quyết định đầu tư vốn của doanh nghiệp.





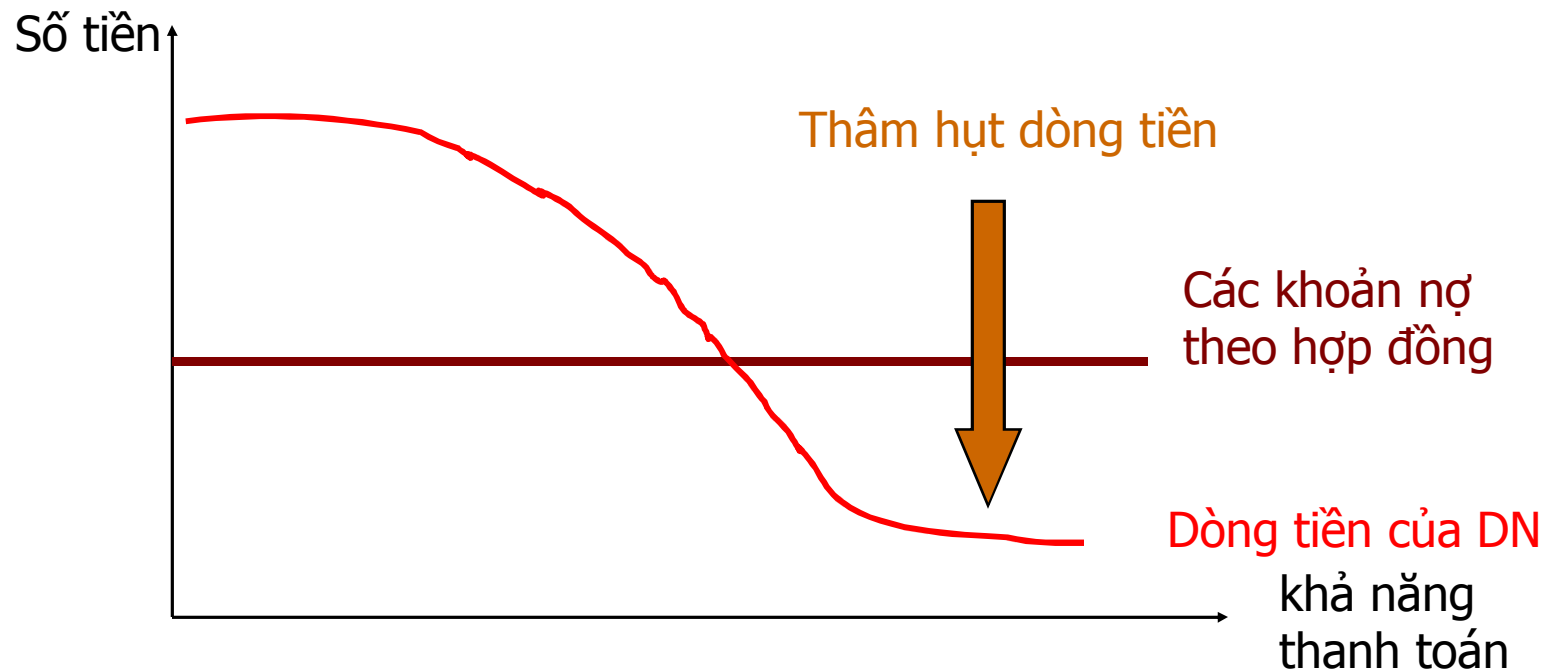
2

PHÂN TÍCH DẤU HIỆU KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH

- Khủng hoảng tài chính là gì ?
- Mục đích phân tích dấu hiệu khủng hoảng tài chính
- Phương pháp phân tích dấu hiệu khủng hoảng tài chính

KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH

Là tình trạng mất cân đối giữa nhu cầu & khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.



MỤC ĐÍCH PHÂN TÍCH DẤU HIỆU KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH

- Bên trong DN:
 - ▣ Ngăn chặn, phòng tránh các khả năng xấu
- Bên ngoài DN:
 - ▣ Quyết định đầu tư
 - ▣ Quyết định cho vay
 - ▣ Quyết định các điều khoản thanh toán

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH DẤU HIỆU KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH

13

Phương pháp đánh giá từng chỉ số tài chính



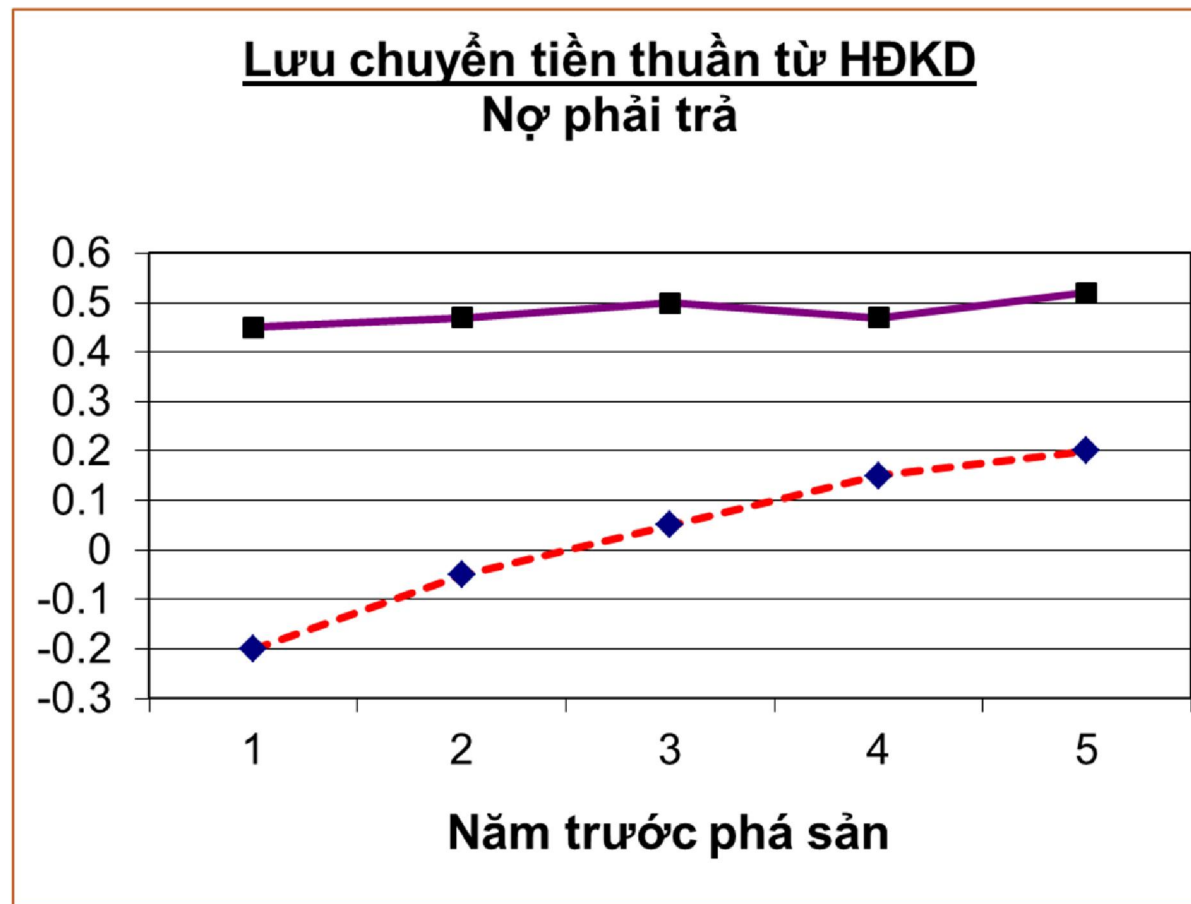
Uylliam Beaver

Phương pháp kết hợp các chỉ số tài chính

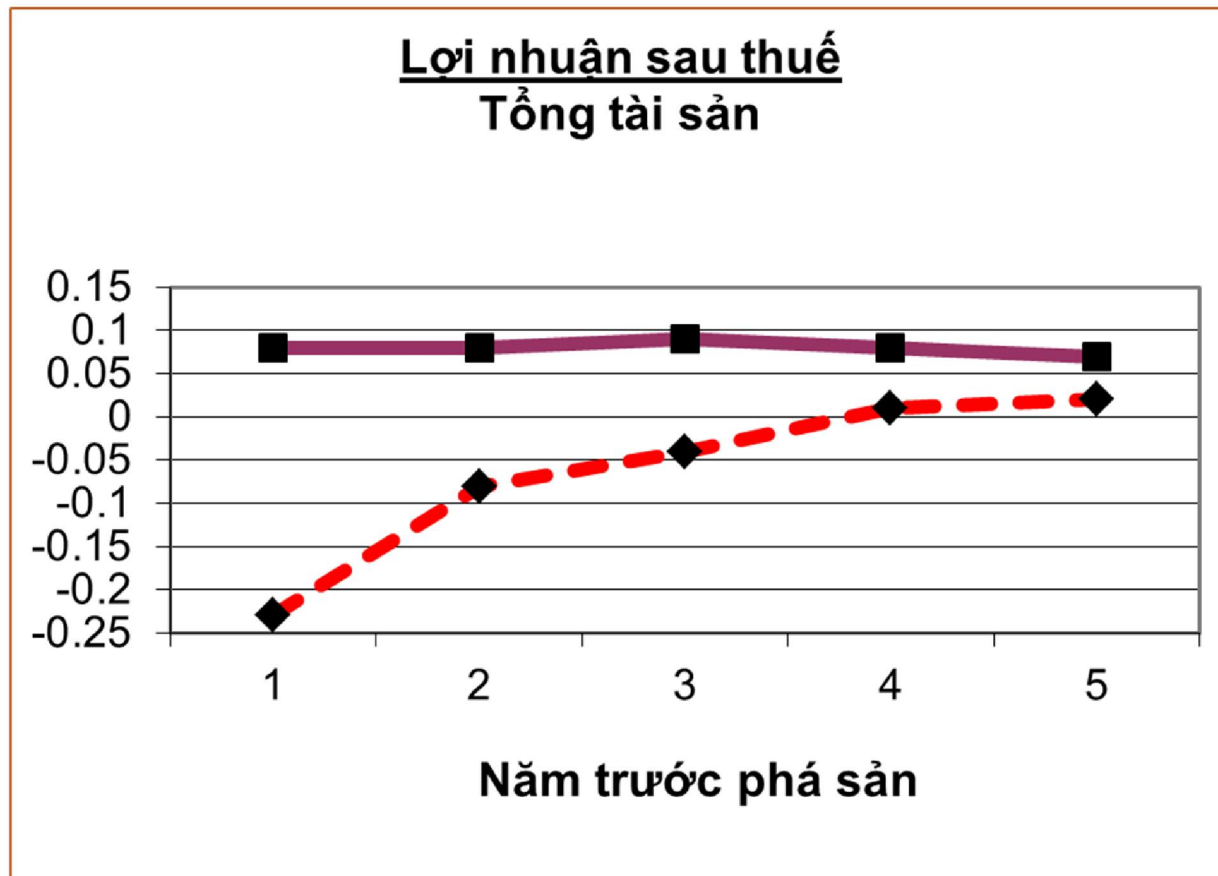


Edward Altman

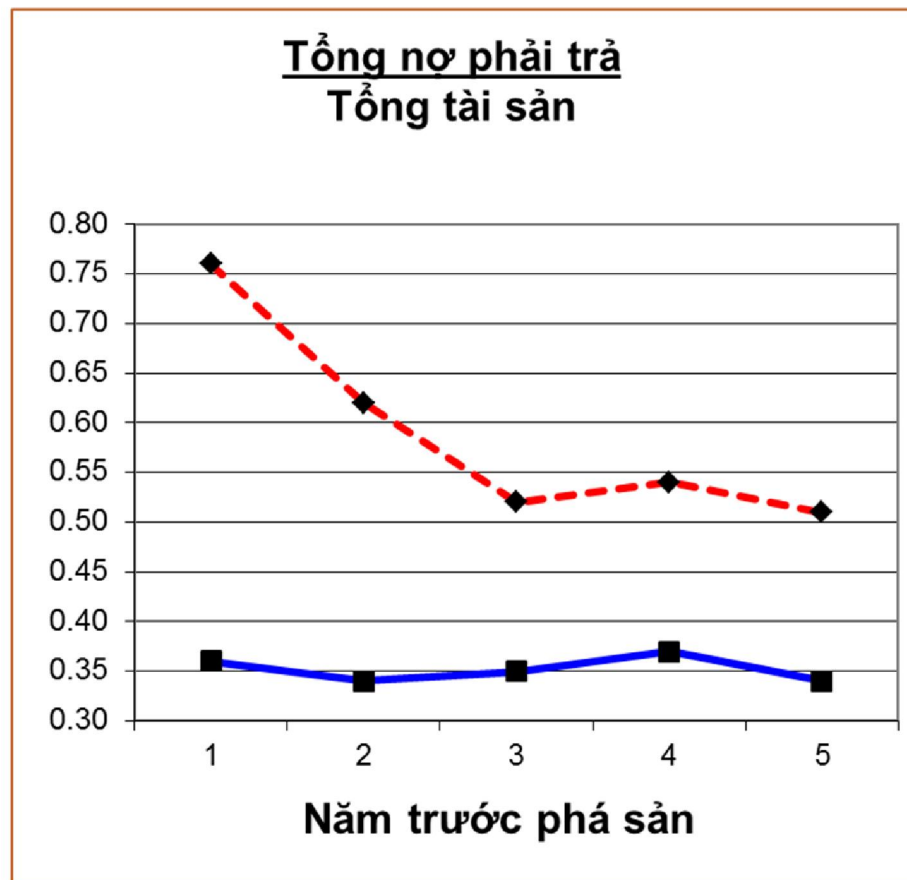
PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TỪNG CHỈ SỐ TÀI CHÍNH



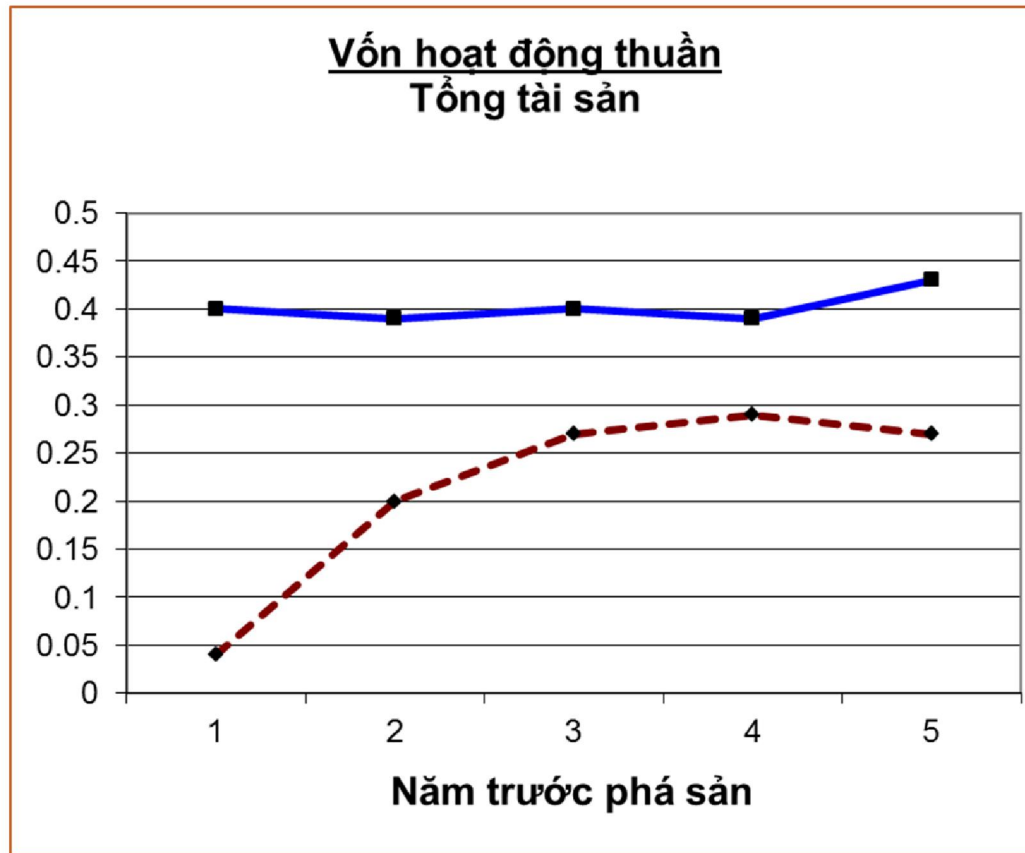
PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TỪNG CHỈ SỐ TÀI CHÍNH



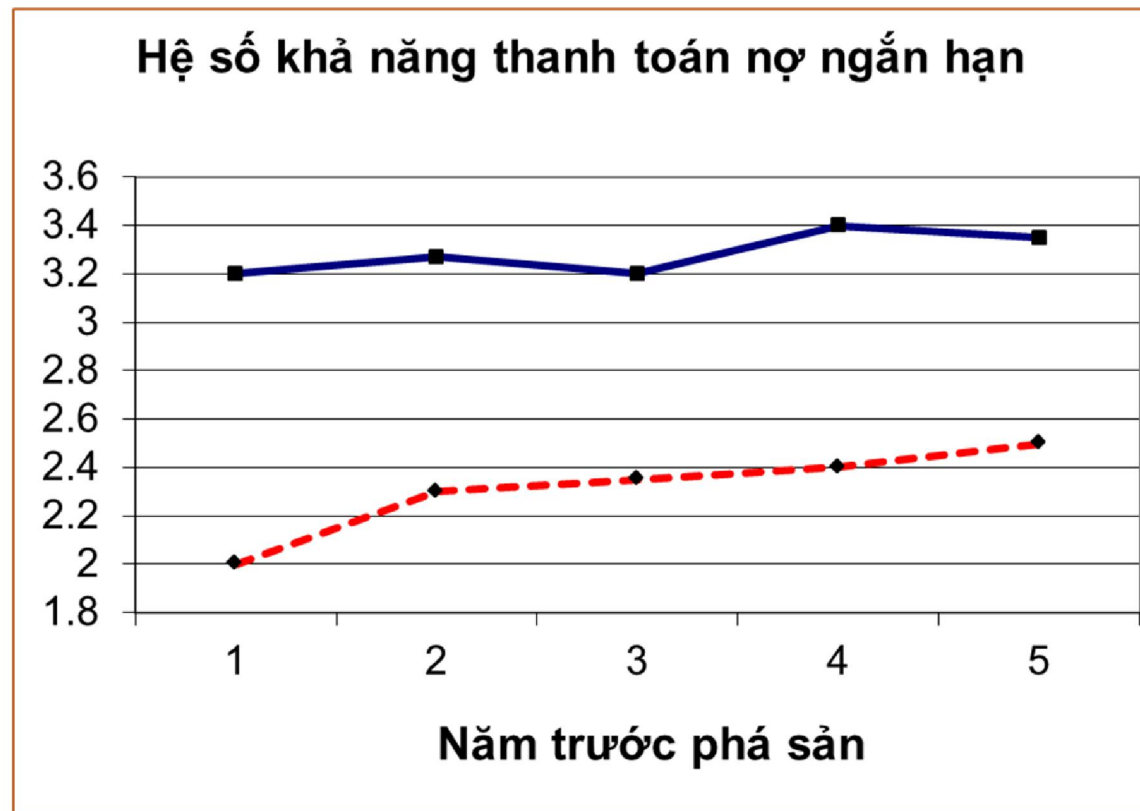
PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TỪNG CHỈ SỐ TÀI CHÍNH



PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TỪNG CHỈ SỐ TÀI CHÍNH



PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TỪNG CHỈ SỐ TÀI CHÍNH



PHƯƠNG PHÁP KẾT HỢP CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

$$X_1 = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$X_2 = \frac{\text{LN sau thuế lưu giữ}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$X_3 = \frac{\text{Vốn hoạt động thuần}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$X_4 = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$X_5 = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (giá thị trường)}}{\text{Nợ phải trả (giá ghi sổ)}}$$

PHƯƠNG PHÁP KẾT HỢP CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Hàm số chấm điểm Z (Edward Altman)

$$Z = 0,033X_1 + 0,014 X_2 + 0,012 X_3 + 0,010 X_4 + 0,006X_5$$

- Nếu **$Z < 2,675$** thì DN sẽ có khả năng bị phá sản trong vòng 1 năm tới (với xác suất 95%)
- Trong thực tế:
 - ▣ nếu **$Z \leq 1,81$** : DN được dự đoán là sẽ phá sản
 - ▣ nếu **$Z \geq 2,99$** : kết luận DN có tình hình tài chính tốt, sẽ không bị phá sản
 - ▣ nếu **$1,81 < Z < 2,99$** : khó kết luận



PHƯƠNG PHÁP KẾT HỢP CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

DN không niêm yết trên TTCK

$$Z = 0,0311X_1 + 0,0085 X_2 + 0,0072 X_3 + 0,010 X_4 + 0,0042X_5$$

- **$Z < 1,23$** : doanh nghiệp sẽ có khả năng bị phá sản
- **$Z > 2,90$** : doanh nghiệp sẽ không bị phá sản
- **$1,23 \leq Z \leq 2,9$** : khó kết luận
- $X_5 = \text{VCSH (giá ghi sổ) / Nợ phải trả (Giá ghi sổ)}$

PHƯƠNG PHÁP KẾT HỢP CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

DN không thuộc lĩnh vực sản xuất

$$Z = 0,0105X_1 + 0,0326X_2 + 0,0656 X_3 + 0,0672 X_5$$

- $Z < 1,1$: doanh nghiệp được dự đoán là sẽ phá sản
- $Z > 2,6$: doanh nghiệp sẽ không bị phá sản
- $1,1 \leq Z \leq 2,6$: khó kết luận

PHƯƠNG PHÁP KẾT HỢP CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH – Ví dụ



23

	Chỉ tiêu	31.12.2011	31.12.2010
Tài sản			
100	Tài sản ngắn hạn	9.467.683	5.919.803
200	Tài sản dài hạn	6.114.988	4.853.229
270	Tổng cộng tài sản	15.582.671	10.777.032
Nguồn vốn			
300	Nợ phải trả	3.105.466	2.808.596
310	Nợ ngắn hạn	2.946.537	1.645.012
330	Nợ dài hạn	158.929	163.583
400	Nguồn vốn chủ sở hữu	12.477.205	7.964.436
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.561.148	3.530.721
412	Thặng dư vốn cổ phần	1.276.994	-
414	Cổ phiếu quỹ	(2.522)	(669)
417	Quỹ đầu tư phát triển	908.024	2.172.291
418	Quỹ dự phòng tài chính	556.115	353.072
420	LN sau thuế chưa phân phối	4.177.446	1909.021

PHƯƠNG PHÁP KẾT HỢP CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH – Ví dụ



24

Mã số	Chỉ tiêu	2011	2010
10	Doanh thu thuần BH & CCDV	21.267.429	15.752.866
TM25	Chi phí lãi vay	13.933	6.171
30	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	4.750.580	3.642.656
50	Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.978.992	4.251.207
60	Lợi nhuận sau thuế	4.218.182	3.616.186

- Ngày 31/12/2011 Số lượng cổ phiếu lưu hành của Vinamilk là 555.867.614
- Giá đóng cửa của cổ phiếu Vinamilk ngày 30/12/2011 là 86.500 đồng/ 1 cổ phiếu



25

Kết thúc chương 7